BIỂU MẪU BÁO CÁO ÁP DỤNG ĐỐI VỚI TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

STT	Kí hiệu biểu	Tên biểu	Kỳ báo cáo	Ngày nhận báo cáo
1	001.N/BCB-TANDTC	Số vụ ly hôn của thanh niên	Năm	Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo
2	002.N/BCB-TANDTC	Số thanh niên là người bị hại trong các vụ án đã được xét xử	Năm	Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo
3	003.N/BCB-TANDTC	Số thanh niên là lãnh đạo ngành tòa án	Năm	Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo

Biểu số 001.N/BCB-TANDTC
Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019
Ngày nhận báo cáo:
Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo

SỐ VỤ LY HÔN CỦA THANH NIÊN

Năm…

Đơn vị báo cáo:
Tòa án Nhân dân Tối cao
Đơn vị nhận báo cáo:
Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Vụ việc ly hôn

	Mã số	Tổng số vụ ly hôn	Số vụ ly hôn chung của thanh niên	Số vụ ly hôn của thanh niên	Số vụ ly hôn có yếu tố thanh niên
A	B	1	2=3+4	3	4
Cả nước	01				
1. Chia theo Nhómtuổi					
Từ 16 tuổi đến 20 tuổi	02				
Từ 21 tuổi đến 25 tuổi	03				
Từ 26 tuổi đến 30 tuổi	04				
2. Chia theo thành thị/nông thôn					
Thành thị	05				
Nông thôn	06				
3. Chia theo Tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương					
(Ghi theo danh mục hành chính Việt Nam)	07				
	08				

Ngày … tháng … năm …

Người lập biểu	**Người kiểm tra biểu**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, họ tên)*

Biểu số 001.N/BCB-TANDTC: Số vụ ly hôn của thanh niên

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số vụ ly hôn của thanh niên là số vụ đã được toà án xử cho các cặp vợ chồng cùng trong độ tuổi thanh niên được ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình trong kỳ nghiên cứu (thường là một năm lịch). Số vụ ly hôn không tính các trường hợp ly thân của các cặp vợ chồng.

Trong thực tế, ly hôn của thanh niên có thể xảy ra đối với các cặp vợ chồng cùng trong độ tuổi thanh niên, nhưng cũng có thể xảy ra đối với các cặp vợ chồng trong đó, chỉ có một người vợ hoặc chồng trong độ tuổi thanh niên. Vì vậy, để có đầy đủ thông tin phục vụ công tác phân tích, nghiên cứu thực trạng ly hôn của thanh niên, ngoài các chỉ tiêu được tính toán trên cơ sở cả vợ và chồng đều trong độ tuổi thanh niên, cần có các chỉ tiêu bổ sung khác như Số vụ ly hôn có yếu tố thanh niên (tức là trong các cặp vợ chồng ly hôn chỉ có một người trong độ tuổi thanh niên) và số vụ ly hôn chung của thanh niên.

Số vụ ly hôn có yếu tố thanh niên là số vụ đã được toà án xử cho các cặp vợ chồng, trong đó chỉ có một người vợ hoặc chồng trong độ tuổi thanh niên được ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình trong kỳ nghiên cứu (thường là một năm lịch). Số vụ ly hôn không tính các trường hợp ly thân của các cặp vợ chồng.

Số vụ ly hôn chung của thanh niên là số vụ đã được toà án xử cho các cặp vợ chồng, trong đó ít nhất có một người vợ hoặc chồng trong độ tuổi thanh niên được ly hôn theo Luật hôn nhân và gia đình trong kỳ nghiên cứu (thường là một năm lịch). Số vụ ly hôn không tính các trường hợp ly thân của các cặp vợ chồng.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số vụ ly hôn chung của cả nước với từng dòng tương ứng;

- Cột 2: Ghi tổng số vụ ly hôn chung của thanh niên (bằng tổng số vụ ly hôn của thanh niên và số vụ ly hôn có yếu tố thanh niên) với từng dòng tương ứng;

- Cột 3: Ghi tổng số vụ ly hôn của thanh niên (cả 2 người đều trong độ tuổi thanh niên) với từng dòng tương ứng;

- Cột 4: Ghi tổng số vụ ly hôn có yếu tố thanh niên (chỉ có 1 người vợ hoặc chồng trong độ tuổi thanh niên) với từng dòng tương ứng;

3. Nguồn số liệu

Dữ liệu hành chính của Tòa án nhân dân tối cao.

Biểu số: 002.N/BCB-TANDTC

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo

SỐ THANH NIÊN LÀ NGƯỜI BỊ HẠI TRONG CÁC VỤ ÁN ĐÃ ĐƯỢC XÉT XỬ

Năm…

Đơn vị báo cáo:

Tòa án Nhân dân Tối cao

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Nội vụ

	Mã số	Số vụ đã xét xử (vụ)	Số người là bị hại trong các vụ án đã được xét xử (Người)			
			Tổng số	Trong đó: Thanh niên	Chia theo nhóm tuổi thanh niên bị hại	
					Từ đủ 16 đến dưới 18 tuổi	Từ đủ 18 đến dưới 30 tuổi
A	B	1	2	3	4	5
TỔNG SỐ						
1. Chia theo giới tính						
Nam	01					
Nữ	02					
2. Chia theo thành thị/nông thôn						
Thành thị	03					
Nông thôn	04					
3. Chia theo tỉnh/thành phố						
(Ghi theo danh mục đơn vị hành chính hiện hành)	05					
…						

Ngày … tháng … năm …

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 002.N/BCB-TANDTC: Số thanh niên là người bị hại trong các vụ án đã được xét xử

1. Khái niệm, phương pháp tính

Số thanh niên là người bị hại trong các vụ án đã được xét xử là số thanh niên trực tiếp bị thiệt hại về thể chất, tinh thần, tài sản do tội phạm gây ra hoặc đe dọa gây ra trong các vụ án hình sự đã được tòa án xét xử.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi số vụ án đã xét xử trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 2: Ghi tổng số người là bị hại trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 3: Ghi tổng số người bị hại là thanh niên trong kỳ tương ứng với các dòng của cột A.

- Cột 4,Cột 5: Ghi tổng số thanh niên là người bị hại trong kỳ chia theo từng độ tuổi tương ứng với các dòng của cột A.

3. Nguồn số liệu

- Hệ thống báo cáo thống kê của Tòa án Nhân dân Tối cao.

Biểu số 003.N/BCB-TANDTC

Ban hành kèm theo Thông tư số _/2019/TT-BNV ngày _/_/2019

Ngày nhận báo cáo:

Ngày 31 tháng 3 năm sau năm báo cáo

SỐ THANH NIÊN LÀ LÃNH ĐẠO NGÀNH TÒA ÁN

Có đến ngày 31 tháng 12 năm…

Đơn vị báo cáo:

Tòa án Nhân dân Tối cao

Đơn vị nhận báo cáo:

Bộ Nội vụ

Đơn vị tính: Người

	Mã số	Tổng số lãnh đạo ngành Tòa án	Tòa án nhân dân Tối cao		Tòa án nhân dân Cấp cao		Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương		Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương	
			Tổng số	Trong đó: Thanh niên	Tổng số	Trong đó: Thanh niên	Tổng số	Trong đó: Thanh niên	Tổng số	Trong đó: Thanh niên
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
Cả nước	01									
1. Chia theo giới tính										
Nam										
Nữ										
2. Chia theo trình độ học vấn										
Trung cấp	02									
Cao đẳng	03									
Đại học	04									
Trên đại học	05									
Không xác định	06									
3. Chia theo dân tộc										
Kinh	07									
Dân tộc thiểu số	08									

Ngày … tháng … năm …

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Người kiểm tra biểu
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 003.N/BCB-TANDTC: Số thanh niên là lãnh đạo ngành tòa án

1. Khái niệm, phương pháp tính

Tổng số lãnh đạo ngành tòa án là toàn bộ số người tham gia lãnh đạo trong tổ chức tòa án nhân dân.

Số thanh niên là lãnh đạo ngành tòa án là số người từ 18 tuổi đến 30 tuổi là lãnh đạo ngành Tòa án.

Tổ chức tòa án nhân dân bao gồm:

- Tòa án nhân dân tối cao.

- Tòa án nhân dân cấp cao.

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

Chức vụ lãnh đạo ngành tòa án gồm:

- Tòa án nhân dân tối cao: Chánh án, các Phó Chánh án, Cục trưởng, Phó Cục trưởng và tương đương; Vụ trưởng, Phó Vụ trưởng và tương đương.

- Tòa án nhân dân cấp cao: Chánh án, các Phó Chánh án, Chánh tòa, các Phó Chánh tòa.

- Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: Chánh án, các Phó Chánh án, Chánh tòa, các Phó Chánh tòa.

- Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương: Chánh án, Phó Chánh án, Chánh tòa, Phó Chánh tòa.

2. Cách ghi biểu

- Cột 1: Ghi tổng số lãnh đạo ngành tòa án;

- Cột 2: Ghi tổng số lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao;

- Cột 3: Ghi tổng số thanh niên lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao;

- Cột 4: Ghi tổng số lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp cao;

- Cột 5: Ghi tổng số thanh niên lãnh đạo Tòa án nhân dân cấp cao;

- Cột 6: Ghi tổng số lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Cột 7: Ghi tổng số thanh niên lãnh đạo Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

- Cột 8: Ghi tổng số lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương;

- Cột 9: Ghi tổng số thanh niên lãnh đạo Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương.

3. Nguồn số liệu

Chế độ báo cáo thống kê của Tòa án nhân dân tối cao.